

TỔ CHỨC XÃ HỘI Ở THÔN LÀNG TÂY NGUYÊN HIỆN NAY

BÙI MINH ĐẠO*

Từ sau năm 1975, hệ thống tổ chức chính quyền cấp trên thôn làng ở Tây Nguyên được xây dựng thống nhất cùng cả nước, bao gồm xã, huyện và tỉnh, trực thuộc Trung ương. Dù vậy, do đặc thù riêng về dân cư, dân tộc, tổ chức xã hội thôn làng vẫn có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên. Quá trình di cư từ nơi khác đến trong lịch sử, nhất là từ sau năm 1975, cùng với những tác động mới đã dẫn đến tồn tại nhiều loại thôn làng phức tạp ở Tây Nguyên, bao gồm thôn làng dân tộc Kinh, dân tộc thiểu số mới đến, dân tộc thiểu số tại chỗ và thôn làng xen cư dân tộc thiểu số tại chỗ với dân tộc mới đến. Bài viết phân tích thực trạng tổ chức xã hội ở bốn loại thôn làng nói trên ở Tây Nguyên hiện nay.

1. Tổ chức xã hội ở các thôn làng dân tộc Kinh

Trước Cách mạng Tháng Tám, vai trò của tổ chức xã hội truyền thống vẫn đậm nét trong đời sống các thôn làng người Kinh. Điều hành công việc trong làng là Hội đồng hương lý, gồm lý trưởng, phó lý, trưởng bạ (theo dõi việc đinh, điền), hộ lại (sinh, tử, giá thú), trương tuần (cai quản đám tuần phiên) và Hội đồng kỳ mục gồm tiên chỉ, thứ chỉ, một nhóm người là hưu quan và cả những người đã kinh qua bộ máy hương lý. Hội đồng hương lý thay mặt nhà nước thu thuế, bắt lính, bắt phu và thực hiện các quyết định của Hội đồng kỳ mục. Các quyết định của Hội đồng kỳ mục chủ yếu dựa vào lệ làng, thể hiện trong hương ước của làng. Trước

Pháp thuộc, mỗi làng có hương ước riêng. Năm 1921, thực dân Pháp tiến hành cải lương hương chính mà trọng tâm là cải cách hương ước và thay thế Hội đồng kỳ mục bằng Hội đồng tộc biểu, nhờ vậy, can thiệp sâu vào đời sống làng xã và hạn chế tính tự trị của bộ máy kỳ mục cũ. Thông qua bầu bán, người ta cử ra Ban hương hội bao gồm: chánh hội, phó hội, thủ quỹ và thư ký. Hội đồng tộc biểu có trách nhiệm lập sổ thu chi, bổ sưu thuế, quản lý các công trình công cộng, điều hành các công việc trong làng theo lệ làng, dưới sự giám sát của Hội đồng hương lý. Với sự phân quyền mới này, vai trò bộ máy của nhà nước ở các làng được mặc nhiên nâng lên, vai trò của bộ máy kỳ mục bị hạ thấp và vai trò của dòng họ được chú ý. Tất cả đều nhằm phục vụ nhu cầu cai trị sâu hơn và trực tiếp hơn của người Pháp vào làng xã. Cũng từ cuộc cải lương hương chính, truyền thống trọng tước bị sút mẻ và hạn chế trong việc chọn người vào tổ chức tự quản hương thôn.

Sau Cách mạng Tháng Tám ở miền Bắc và sau năm 1975 ở miền Nam, tổ chức xã hội truyền thống của làng xã người Việt nhường chỗ cho tổ chức xã hội mới. Đó cũng là xuất phát điểm tổ chức xã hội người Kinh trước khi di cư lên Tây Nguyên.

Đến năm 2009, người Kinh là dân tộc có dân số đông nhất ở Tây Nguyên, với hơn 3,3 triệu người, chiếm trên 60% tổng dân số, bao gồm 3 bộ phận là người Kinh Công giáo trước năm 1975, người Kinh di cư kinh tế mới trong những năm 1976 - 1985 và người Kinh di cư tự do từ thập niên 80 của thế kỷ

* TS. Viện Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên

XX đến nay. Người Kinh Công giáo và người Kinh di cư kinh tế mới thường bố trí thành các khu và làng riêng, còn người Kinh di cư tự do lại thường xen cư với các dân tộc khác trong một làng. Kết quả khảo sát cho biết, đa số các làng người Kinh ở Tây Nguyên đều là dân gộp, có nguồn gốc từ nhiều làng, xã khác nhau.

Tổ chức chính trị ở các làng dân tộc Kinh ở Tây Nguyên bao gồm Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể chính trị. Nhìn chung, các tổ chức này hoạt động hiệu quả, ổn định và đáp ứng yêu cầu đặt ra. Đa số đảng viên và cán bộ có hiểu biết tối thiểu và cần thiết về lý luận chính trị hoặc kiến thức quản lý nhà nước thông qua các sinh hoạt học tập và tập huấn do huyện, tỉnh tổ chức và thông qua phương tiện thông tin đại chúng. Khả năng nắm bắt chủ trương, đường lối của đảng viên và cán bộ tương đối tốt, vì thế việc triển khai thực hiện văn bản, nghị quyết do cấp trên đưa xuống nhìn chung kịp thời, hiệu quả. Cũng như thế, hoạt động của mặt trận và các tổ chức đoàn thể như đoàn thanh niên, các hội phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh đều đi vào nề nếp và ổn định, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển và đảm bảo an ninh chính trị và trật tự xã hội. Nguyên nhân có nhiều, song quan trọng và nổi bật là do trình độ giáo dục phổ thông của cán bộ đảng viên, cán bộ tại các thôn làng dân tộc Kinh cao hơn. Khảo sát tại hai làng dân tộc Kinh là làng Đà Nguyên, xã Đà Loan, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng và làng Đăk Hà, xã Đăk Bla, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum cho thấy, 29% cán bộ đảng viên thôn làng có trình độ trung học phổ thông (cấp III), 64% cán bộ, đảng viên thôn làng có trình độ trung học cơ sở (cấp II), chỉ có 7% cán bộ, đảng viên thôn làng có trình độ tiểu học (cấp I), không có cán bộ, đảng viên không biết chữ. Tại các làng công giáo cũ, trình độ giáo dục phổ thông

của cán bộ thôn buôn có xu hướng cao hơn nữa. Khảo sát tại làng Phương Quý, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum của người Kinh Công giáo năm 2010 cho thấy, trong 15 cán bộ thôn làng có 5 người trình độ giáo dục trung học phổ thông (33%), 9 người có trình độ giáo dục trung học cơ sở (60%), chỉ có 1 người có trình độ giáo dục tiểu học (7%).

Bên cạnh hệ thống tổ chức chính trị xã hội của nhà nước, ở các thôn làng người Kinh Công giáo tồn tại các tổ chức xã hội của tôn giáo. Theo đó, mỗi làng là một *họ đạo* do *Ban chức việc* gồm *ông cau* và *ông phó cau* phụ trách, dưới họ đạo là các *xóm đạo* do các *ông biện* phụ trách, giáo dân được tổ chức thành các giáo đoàn thanh niên, phụ nữ, người già và thiếu niên do các trưởng giáo đoàn phụ trách. Tổ chức Công giáo tuy danh nghĩa hoạt động nhằm duy trì đời sống tôn giáo, nhưng trong thực tế có ảnh hưởng qua lại đến đời sống kinh tế - xã hội của người dân trong làng và đến hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị.

Do kết quả của phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện mới và giống như người Kinh cả nước, từ thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay, tại các thôn làng người Kinh ở Tây Nguyên đã phục hồi và đi vào hoạt động của các tổ chức hội: Người cao tuổi, có chức năng tập hợp lớp người già sống vui, sống khỏe và vận động con cháu duy trì thuần phong mỹ tục, đoàn kết xây dựng thôn làng vững mạnh, hội đồng niên, hội cà phê, hội cây cảnh, cùng một số câu lạc bộ văn hóa - thể thao như Câu lạc bộ thơ, Câu lạc bộ bóng hơi, Câu lạc bộ cầu lông,... Chẳng hạn, ở làng Đăk Hà, xã Đăk Bla, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, hội Người cao tuổi có 36 hội viên, ngoài các hội đồng niên, trong làng có 1 Câu lạc bộ thơ, 1 Câu lạc bộ bóng hơi và một Câu lạc bộ cầu lông; ở làng Đà Nguyên, xã Đà Loan, huyện Đức Trọng, tỉnh

Lâm Đồng, hội Người cao tuổi có 58 hội viên, ngoài các hội đồng niên, trong làng có 1 Câu lạc bộ thơ và một Câu lạc bộ cầu lông.

2. Tổ chức xã hội ở các thôn làng dân tộc thiểu số mới đến

Thôn làng các dân tộc thiểu số mới đến chủ yếu là thôn làng các dân tộc Tày, Nùng, Thái, Mường, Dao và Hmông, thường xen cư với nhau và số lượng chiếm tỷ lệ không nhiều. Chỉ khi ở quê cũ người dân di cư cả làng hay nhiều làng đồng tộc trong cùng một xã vào Tây Nguyên thì mới đủ điều kiện hình thành làng một dân tộc. Thuộc về loại hình này có thể đơn cử thôn 1, thôn 2, thôn 3 của người Mường ở xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, thôn 1 của người Mường ở xã Hòa Sơn, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk, một số làng của người Mường ở huyện Krông Na, tỉnh Đắk Lắk,...

Mẫu số chung là tồn tại hệ thống thiết chế tổ chức xã hội - chính trị giống như toàn quốc, bao gồm: Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, nông dân và cựu chiến binh; chức năng khác nhau nhưng chung nhiệm vụ là lãnh đạo và tổ chức thực hiện các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn trật tự an ninh chính trị - xã hội địa phương. Trình độ lý luận chính trị và quản lý nhà nước của cán bộ thôn làng tuy thấp hơn người Kinh, nhưng nhìn chung đáp ứng yêu cầu đặt ra. Khảo sát tại các thôn 1 và 2 của người Mường ở xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk cho thấy, 40% cán bộ thôn làng đã học xong sơ cấp quản lý nhà nước do thành phố tổ chức, 30% đảng viên theo học sơ cấp lý luận chính trị do thành phố tổ chức, 84% cán bộ thôn làng có trình độ giáo dục trung học cơ sở (cấp II), 7% cán bộ thôn làng có trình độ giáo dục trung học phổ thông (cấp III), chỉ có 9% cán bộ thôn làng có trình độ giáo dục tiểu học (cấp I) và không có cán bộ

thôn làng mù chữ. Do trình độ chính trị và quản lý nhà nước như trên, cán bộ thôn làng các dân tộc mới đến về cơ bản hoàn thành công tác được giao.

Bên cạnh thiết chế tổ chức xã hội mới, ở những mức độ khác nhau và không còn nguyên vẹn, ở làng dân tộc thiểu số mới đến còn duy trì một số thiết chế tổ chức xã hội truyền thống cũ.

Ở các làng của người Tày, Nùng, Thái, Mường, do di cư theo quy mô gia đình hay dòng họ là chủ yếu, dấu vết của thiết chế tổ chức thổ ty, lang đạo, phía tạo truyền thống không còn, nhưng vai trò của dòng họ và của các chức sắc tôn giáo còn được duy trì và củng cố. Dòng họ vốn là yếu tố gắn kết thành viên ở nơi quê cũ, trở nên quan trọng hơn với mỗi cá nhân ở nơi đất mới do thành viên dòng họ ít hơn. Tất cả những người thuộc dòng họ gần và xa đều mặc nhiên có kết, thân thiết và xích lại gần nhau như là nhân tố cần thiết cho sự tồn tại và phát triển ở nơi đất mới. Trong đời sống xã hội của làng, vai trò của các trưởng dòng họ được tôn trọng. Cùng với đó là vai trò quan trọng của các chức sắc tôn giáo, bao gồm thầy tào, thầy put, thầy then của người Tày, người Nùng, thầy mo của người Mường, thầy cúng ở người Thái như là những trí thức dân tộc, đại diện và lưu giữ nhiều nhất tri thức văn hóa và tín ngưỡng truyền thống. Các lễ hội cộng đồng như lễ hội lòng tông của người Tày, lễ hội *xên bản* của người Thái; đám cưới, đặc biệt đám tang là dịp các thầy tào, thầy put, thầy then, thầy mo thể hiện nhiều nhất vai trò xã hội, văn hóa và tín ngưỡng của mình. Khảo sát các thôn 1,2,3,8 của xã Hòa Thắng cho thấy, vai trò của thầy mo Mường ở Tây Nguyên rất rõ ràng. Đa số người Mường xã Hòa Thắng thuộc bốn họ Đinh, Quách, Bạch, Hà từ các mường và huyện của Hòa Bình như Mường Pi, Mường Thàng, Mường Cao Phong, mường Thạch

Yên, mừng Lạc Sơn, mừng Thịnh Lang,... di cư vì lý do chính trị vào từ năm 1954. Hiện nay, trong 4 thôn Mường có 3 thầy mo. Khoảng 20% hộ gia đình người Mường ở 4 thôn theo đạo Phật, cúng lễ tại chùa Phước Điền trong xã do người Kinh xây dựng, khi có người chết làm lễ tụng kinh gõ mõ, còn lại 80% theo tín ngưỡng truyền thống, khi có người chết mời thầy mo cúng mo. Tổ chức phe giáp truyền thống còn tồn tại nhằm giúp đỡ nhau khi có việc hiếu, hỷ. Do vận động của chính quyền và chịu ảnh hưởng của người Kinh cận cư, những năm gần đây, tổ chức hội Người cao tuổi được xây dựng với tôn chỉ vận động phát triển kinh tế, duy trì bảo tồn văn hóa truyền thống, thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và sống vui, sống khỏe. Cũng như thế là sự hình thành của một số câu lạc bộ nghề nghiệp và văn hóa - thể thao mới như: Câu lạc bộ cà phê, câu lạc bộ cây cảnh, câu lạc bộ thơ, câu lạc bộ bóng hơi, câu lạc bộ cầu lông... Người Mường ở thôn 1, thôn 2 và thôn 3 thuộc xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, tại thời điểm năm 2009 có 3 hội người cao tuổi, 2 câu lạc bộ cà phê, 1 câu lạc bộ cây cảnh, 2 câu lạc bộ thơ, 2 câu lạc bộ bóng chuyền hơi và 2 câu lạc bộ cầu lông. Ở các làng Tày, Nùng và Mường xuất hiện tổ chức *Hội hiếu* giúp các gia đình lo việc tang ma.

Ở các làng người Hmông và Dao, thiết chế tổ chức xã hội cũ được duy trì có phần đậm nét hơn so với người Tày, Nùng, Thái và Mường, nhưng đã phai nhạt hơn so với quê cũ và sắc thái có nét khác biệt. Do đặc thù tâm lý và văn hóa, khi di cư vào Tây Nguyên, hai dân tộc này có xu hướng ở riêng thành các làng đồng tộc, nhất là người Hmông. Người Hmông và người Dao thường di cư theo dòng họ mà ít di cư theo gia đình và bản làng. Vai trò của trưởng bản trong xã hội cũ đã không còn tồn tại, nhưng

vai trò dòng họ, vốn được chú trọng đặc biệt trong đời sống trước di cư, tiếp tục được duy trì và củng cố ở nơi đất mới. Mọi việc lớn, nhỏ của cá nhân và gia đình đều được dòng họ biết đến, được hỏi ý kiến của trưởng họ. Mọi trọng sự vui buồn của gia đình đều được dòng họ chia sẻ và giúp đỡ. Ý thức về dòng họ mạnh mẽ và quan trọng hơn ý thức về bản làng, thậm chí ở người Hmông còn mạnh mẽ hơn cả ý thức quốc gia. Ở các làng của hai dân tộc này, người thầy cúng cũng được tôn vinh và có vai trò quan trọng. Họ là người thay mặt dân làng giao tế với thần linh và các ma. Đặc biệt, có vai trò quan trọng và được tôn vinh là thầy cúng ở dân tộc Dao với sứ mệnh chủ trì nghi lễ cấp sắc độc đáo và nổi tiếng.

3. Tổ chức xã hội ở các buôn làng dân tộc thiểu số tại chỗ

Như đã trình bày, do quá trình di cư nhanh và ngày càng phổ biến của các dân tộc từ nơi khác đến, dẫn đến số lượng buôn làng thuần dân tộc thiểu số tại chỗ ngày càng ít đi trong hơn 7.200 thôn làng Tây Nguyên. Hiện nay, do dân di cư tập trung ở các cao nguyên nên loại hình buôn làng dân tộc thiểu số tại chỗ tồn tại phổ biến ở các huyện vùng cao, như các huyện phía bắc tỉnh Kon Tum (Đắc Glei, Kon Plông, Kon Rẫy, Tu Mơ Rông), phía đông tỉnh Gia Lai (Mang Yang, Kbang, Kông Chro, Ia Pa), phía tây tỉnh Đắk Nông (Tuy Đức, Đắk Rlấp).

Từ sau năm 1975 đến nay, khác với ở làng dân tộc Kinh và đậm nét hơn ở làng các dân tộc thiểu số mới đến, tồn tại ở các buôn làng dân tộc thiểu số tại chỗ đồng thời hai hệ thống tổ chức xã hội là quan phương có vai trò chủ đạo và phi quan phương có vai trò hỗ trợ.

Hệ thống thiết chế tổ chức xã hội quan phương gồm tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng.

Về tổ chức đảng, không phải tất cả các buôn làng Tây Nguyên đều có chi bộ Đảng và đảng viên. Theo thống kê của Ban Chỉ đạo Tây Nguyên, tại thời điểm tháng 3 năm 2009, trong 7.284 thôn buôn ở Tây Nguyên, vẫn còn 1.243 thôn buôn chưa có chi bộ Đảng, chiếm 17,16% số thôn buôn, 172 thôn buôn chưa có đảng viên, chiếm 2,37% tổng số thôn buôn¹, đa số là buôn làng vùng sâu, vùng xa. Đứng đầu chi bộ là bí thư và phó bí thư, đứng đầu tổ Đảng là tổ trưởng đảng. Nhiệm vụ của tổ chức đảng là lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền, mặt trận và các tổ chức đoàn thể thực hiện chủ trương, đường lối phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh quốc phòng của Đảng và Nhà nước.

Về tổ chức chính quyền, đứng đầu mỗi buôn làng là một trưởng thôn, một phó trưởng thôn, một công an viên phụ trách công tác an ninh, một thôn đội trưởng phụ trách chỉ huy đội dân quân tự vệ. Để tăng cường công tác an ninh, mỗi buôn làng được chia thành các nhóm liên gia, mỗi nhóm liên gia khoảng 15 - 20 hộ gia đình, nhà nằm liền kề nhau, đứng đầu là nhóm trưởng liên gia. Ngoài ra, có một cán bộ của đội công tác đặc biệt do xã cử xuống làm nhiệm vụ phát động quần chúng bảo vệ an ninh - chính trị. Năm 2005, buôn Kao, xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk được chia thành 7 nhóm liên gia và 1 cán bộ đội công tác đặc biệt, buôn Tong Juh cùng xã có 8 nhóm liên gia và 1 cán bộ đội công tác đặc biệt, buôn Plei Sing, xã Ia Piar, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai có 6 nhóm liên gia, 1 cán bộ đội công tác đặc biệt. Tổ chức chính quyền có nhiệm vụ quản lý nhà nước và đại diện cho Nhà nước tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh - chính trị và trật tự xã hội buôn làng.

Về tổ chức mặt trận, tùy theo quy mô nhỏ hay lớn, mỗi buôn làng có một thành viên

thuộc Mặt trận Tổ quốc xã, thường là người cao tuổi và có uy tín, đức độ, làm nhiệm vụ vận động và đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong buôn làng thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước. Về nguyên tắc, thành viên mặt trận thôn là chức danh độc lập, nhưng trong nhiều trường hợp, chức vụ này được lồng ghép và kiêm nhiệm vào các chức vụ khác: Bí thư chi bộ hay Phó Bí thư chi bộ kiêm thành viên Mặt trận Tổ quốc (trường hợp làng Tơ Nâu, Kon Thup, Mang Yang, Gia Lai) hay thành viên Mặt trận Tổ quốc thôn kiêm già làng (trường hợp làng Ma Am, Đà Loan, Đức Trọng, Lâm Đồng).

Về tổ chức đoàn thể, mỗi buôn làng đều có các đoàn thể chính trị bao gồm: Đoàn Thanh niên, đứng đầu là Bí thư, Phó Bí thư; Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, đứng đầu là Hội trưởng và Phó Hội trưởng. Các đoàn thể này có vai trò tổ chức quần chúng, là những cánh tay nối dài của Đảng và chính quyền trong việc triển khai các chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh - chính trị buôn làng.

Tuy đủ về chức danh và số lượng, nhưng về chất lượng, hoạt động của tổ chức xã hội ở các buôn làng Tây Nguyên chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Điều này xuất phát từ các nguyên nhân khác nhau, như đặc điểm tâm lý, văn hóa, phong tục tập quán, trình độ quản lý nhà nước, trình độ lý luận chính trị và trình độ giáo dục của cán bộ thôn buôn còn bất cập. Khảo sát ở các thôn buôn của xã Ea Kao, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk; xã Đà Loan, Đức Trọng, Lâm Đồng và xã Đắk Bla, Kon Tum cho thấy, đa số cán bộ buôn làng chưa có kiến thức tối thiểu về quản lý nhà nước và lý luận chính trị, phần lớn cán bộ buôn làng có trình độ giáo dục tiểu học, một số chưa biết chữ, người có trình độ giáo dục phổ thông cao nhất là lớp 7, nhiều đảng viên

chưa đọc thông viết thạo. Khảo sát của tác giả năm 2009 tại 3 buôn làng dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên cho thấy: Trong 10 cán bộ ở làng Đắc Hrê của người Ba Na không có cán bộ trung học phổ thông, 1 cán bộ học trung học, chiếm 10%, 8 cán bộ học tiểu học, chiếm 80%, 1 cán bộ mù chữ, chiếm 10%; ở làng Bĩ Đăk của người M'Nông có 2 cán bộ học trung học phổ thông, chiếm 20%, 1 cán bộ học trung học cơ sở, chiếm 10%, còn lại 7 cán bộ học tiểu học, chiếm 70%; ở làng Blang 3 của người Gia Rai không có cán bộ học trung học phổ thông, 7 cán bộ học trung học cơ sở, chiếm 70%, còn lại 3 cán bộ học tiểu học, chiếm 30%². Thực trạng yếu kém về quản lý, chính trị và giáo dục của cán bộ thôn làng dẫn đến những hạn chế, bất cập trong công tác lãnh đạo và triển khai các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh - chính trị xã hội ở các buôn làng. Công tác lãnh đạo, quản lý vẫn theo lối vừa học, vừa làm, nhiều khi tùy tiện, cảm tính. Năng lực lãnh đạo và triển khai của chính quyền và chi bộ buôn làng yếu, tư tưởng thụ động, được chằng hay chớ, trông chờ, ỷ lại vào xã, vào cấp trên, không hiểu công văn và nghị quyết nên không triển khai, hoặc triển khai sai, hoặc triển khai chậm. Công tác nắm dân của cán bộ cơ sở thôn buôn còn yếu kém. Ở các buôn làng diễn ra điểm nóng an ninh - chính trị, là do ảnh hưởng của tư tưởng cố kết cộng đồng buôn làng, dòng họ, gia đình phiên diện, một chiều; tình trạng cán bộ, đảng viên buôn làng nể nang, né tránh và thiếu kiên quyết trong việc đấu tranh với các phần tử phản động. Còn có tình trạng cán bộ, đảng viên người dân tộc tại chỗ có lập trường, tư tưởng chính trị không vững vàng, bị lôi kéo, chi phối, buông xuôi và phó mặc cho các phần tử phản động chống phá cách mạng và đoàn kết dân tộc. Tổ chức đoàn thanh niên yếu kém, không tìm ra phương

thức hoạt động phù hợp nên chưa tập hợp được thanh niên. Cùng với tổ chức đoàn thanh niên là tình trạng hoạt động yếu kém của Hội Phụ nữ, Hội Nông dân và Hội Cựu chiến binh trong vai trò là tổ chức đoàn thể chính trị quần chúng.

Ở các buôn làng dân tộc thiểu số tại chỗ theo Công giáo và Tin lành, xuất hiện và có vai trò quan trọng các thiết chế tổ chức xã hội của tôn giáo. Ở Tây Nguyên có 4 tôn giáo mới, nhưng ở các dân tộc thiểu số tại chỗ chỉ có giáo dân Công giáo và Tin lành. Theo số liệu nghiên cứu của Đỗ Quang Hưng cho biết, đến năm 2005, có 1.447 thôn làng dân tộc thiểu số có giáo dân Tin Lành³. Đến đầu năm 2009, ở các buôn làng dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên có 248.039 tín đồ công giáo (chiếm 31% tổng số tín đồ công giáo Tây Nguyên và 18% dân số các dân tộc thiểu số tại chỗ), 324.135 tín đồ Tin Lành (chiếm 89,4% tín đồ Tin Lành Tây Nguyên và 23,8% dân số các dân tộc thiểu số tại chỗ), tổng số tín đồ Công giáo và Tin lành dân tộc thiểu số tại chỗ là 572.174 người, chiếm 42% tổng dân số dân tộc thiểu số tại chỗ.

Ở các buôn làng theo Công giáo, mỗi buôn làng biên chế thành một họ đạo, trực thuộc giáo xứ hoặc nhà thờ trên địa bàn, do một *Ban chức việc* phụ trách, gồm *ông cau* phụ trách chung và một *ông phó cau* giúp việc. Dưới họ đạo là các *khu đạo*, bao gồm một nhóm gia đình tín đồ, do các *ông biện* phụ trách. Tùy theo quy mô nhỏ hay lớn mà mỗi buôn làng có 1 đến hai người *chú giáo phụ* làm nhiệm vụ truyền đạo và củng cố đức tin, giáo lý cho giáo dân. Ngoài ra, giáo dân trong mỗi buôn làng được tổ chức thành các giáo đoàn như giáo đoàn thanh niên, giáo đoàn phụ nữ, giáo đoàn người già và giáo đoàn thiếu niên, mỗi giáo đoàn do một trưởng giáo đoàn phụ trách. Mỗi giáo đoàn có lịch sinh hoạt

riêng trong tuần tại nhà thờ. Tổ chức xã hội Công giáo tuy danh nghĩa hoạt động nhằm mục tiêu thuần túy là duy trì đời sống tôn giáo, nhưng trong thực tế có ảnh hưởng qua lại đến đời sống kinh tế - xã hội và hoạt động của các đoàn thể chính trị ở từng buôn làng. Thực tế ở buôn Kon Kơ Pách, xã Đăk Bla, tỉnh Kon Tum cho thấy, do nội dung sinh hoạt của các giáo đoàn Công giáo phù hợp và đi vào cuộc sống hơn nên thu hút giáo dân hơn và vô hình chung đã làm cho hoạt động của các đoàn thể chính trị bị xem nhẹ, giám sát và hoạt động kém hiệu quả so với ở các buôn làng không theo Công giáo.

Ở các buôn làng theo Tin Lành, sau Chỉ thị 01/2005 của Chính phủ, mỗi buôn làng theo Tin Lành biên chế thành một *điểm nhóm Tin lành*, do một *Ban trị sự* đứng đầu, thành phần bao gồm quản nhiệm điểm nhóm (do một mục sư hay một truyền đạo viên phụ trách), thư ký và thủ quỹ. Giúp việc cho Ban trị sự là *Ban chấp sự* do đại hội các tín đồ bầu ra. Cùng với đó, tại mỗi buôn làng, giáo dân được tổ chức thành bốn giáo đoàn thanh niên, phụ nữ, người già và giáo đoàn thiếu niên, mỗi giáo đoàn do một trưởng giáo đoàn đứng đầu. Mỗi giáo đoàn có lịch sinh hoạt riêng trong tuần tại nhà sinh hoạt điểm nhóm. Do nội dung sinh hoạt của các giáo đoàn Tin Lành phù hợp và có sức thu hút hơn nên vô hình chung đã dẫn đến hoạt động của các đoàn thể chính trị bị xem nhẹ, giám sát và kém hiệu quả so với ở các buôn làng không theo Tin Lành.

Bên cạnh tổ chức xã hội mới có vai trò chủ đạo và tổ chức tôn giáo ở các làng theo đạo, tồn tại ở các buôn làng dân tộc thiểu số tại chỗ ảnh hưởng của một số tổ chức xã hội truyền thống, bao gồm thiết chế và tổ chức tự quản buôn làng, tòa án phong tục và chế độ quản lý, sở hữu đất đai.

Thiết chế tự quản buôn làng về danh nghĩa không còn tồn tại nhưng vai trò của già làng, hội đồng già làng, người xử kiện, thầy cúng và tòa án phong tục vẫn âm thầm tồn tại.

Mỗi buôn làng đều có một già làng, đôi khi là nhóm những già làng do một người đứng đầu. Trước đây, già làng được bầu nên do trao truyền theo dòng họ ở các dân tộc nói ngôn ngữ Nam Đảo (Ê Đê, Gia Rai, Chu Ru) hay do dân cử (có thông qua hỏi ý kiến thần linh) ở các dân tộc nói ngôn ngữ Môn - Khơ me (Ba Na, Xơ Đăng). Ngày nay, già làng đều do dân cử nhưng có ý kiến định hướng của tổ chức đảng và chính quyền. So với truyền thống, tiêu chí để trở thành già làng ngày nay đã thay đổi. Già làng là những người không chỉ nắm vững phong tục tập quán và có nhiều kinh nghiệm sản xuất, mà còn phải có trình độ giáo dục, học vấn, từng đi ra ngoài, là bộ đội hay cán bộ về hưu, có nhiều kiến thức khoa học kỹ thuật mới. Già làng cũng không nhất thiết phải là người già 60-70 tuổi, mà có thể là người trung niên 45-50 tuổi. Nhiệm vụ của già làng hay hội đồng già làng là duy trì phong tục tập quán, phân xử các vụ việc vi phạm luật tục và phối hợp với hệ thống chính trị, xã hội mới động viên dân làng chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội. Trên cả hai vai trò duy trì phong tục tập quán và kết hợp với tổ chức chính trị, xã hội mới vận động dân làng thực hiện chính sách, già làng đều phát huy vai trò tích cực của mình. Khi có tâm tư, nguyện vọng và khúc mắc, dân làng thường đến hỏi già làng trước khi hỏi chính quyền. Đa số các trưởng thôn ở các buôn được khảo sát đều chung một nhận định là ý kiến của già làng trong các cuộc họp buôn triển khai chính sách là rất quan trọng, “Nhiều khi già làng nói một câu bằng trưởng thôn hoặc cán bộ cấp trên nói cả ngày”⁴. Dù được đưa lên theo thể tập hay bầu bán, lúc nào và ở đâu già làng Tây Nguyên vẫn luôn là một biểu tượng của đạo đức, tâm

hồn và trí tuệ của mỗi buôn làng, được dân làng tuyệt đối tin theo và tuân thủ.

Nhằm hợp lý hóa và phát huy vai trò của già làng, các địa phương Tây Nguyên đã có sáng kiến đưa già làng vào tổ hòa giải thôn buôn, làm nhiệm vụ hòa giải các vụ việc theo mục kép là duy trì phong tục tập quán dân tộc và hướng người dân sống theo pháp luật. Vấn đề đặt ra hiện nay là xác định vai trò, vị trí của già làng nằm ở đâu, là thành viên quan phương hay phi quan phương trong hệ thống tổ chức xã hội của buôn làng. Khảo sát thực địa cho thấy, già làng ở buôn Ma Am, xã Đà Loan, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng của người Chu Ru là thành viên mặt trận xã kiêm nhiệm, có phụ cấp hàng tháng, nhưng là phụ cấp thành viên mặt trận; già làng ở làng Tơ Nâu, xã Kon Thup, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai của người Ba Na là bí thư chi bộ kiêm nhiệm, có phụ cấp hàng tháng, nhưng là phụ cấp bí thư chi bộ; già làng ở làng Kon Kơ Pách, xã Đăk Bla, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum của người Ba Na và già làng ở buôn Kao, xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk của người Ê Đê không là công chức kiêm nhiệm, chỉ là thành viên trong tổ hòa giải nên không hưởng phụ cấp. Như vậy, tổ chức già làng Tây Nguyên hiện tại là phi quan phương, dù vai trò là to lớn.

Người xử kiện thấy tồn tại ở buôn làng các dân tộc Ê Đê, Gia Rai, Chu Ru, Raglai trong những thập niên qua, vai trò của người xử kiện vẫn được tôn trọng và phát huy trong việc hòa giải phân xử các vụ việc liên quan đến vi phạm trật tự xã hội và phong tục. Điều này dễ hiểu và cần thiết vì họ là người am hiểu phong tục tập quán và luật tục dân tộc, kiến thức và trí tuệ của họ sẽ giúp ích nhiều cho phân xử các vụ việc trong làng.

Ở mỗi buôn làng Tây Nguyên xưa đều có người thầy cúng (*por jâu* hay *kojâu*) làm nhiệm vụ thay mặt buôn làng và các thành

viên trong buôn làng giao tiếp với thần linh trong lễ thức và trong chữa bệnh. Do vai trò chức năng đặc biệt, ở các buôn làng dân tộc thiểu số tại chỗ chưa theo Công giáo và Tin lành, người thầy cúng vẫn được tôn trọng và âm thầm hành nghề. Tại hai buôn Tơ Nâu của người Ba Na và buôn Ma Am của người Chu Ru, mỗi buôn hiện còn một thầy cúng. Thầy cúng ở buôn Ma Am không chỉ nổi tiếng trong làng, mà còn ở trong vùng.

Toà án phong tục buôn làng về danh nghĩa bị xóa bỏ để thay vào đó là pháp luật và tòa án nhà nước, nhưng trong thực tế vẫn tiếp tục tồn tại dưới hình thức mới là tổ hòa giải buôn làng. Điều này xuất phát từ thực tế, một mặt, pháp luật nhà nước cố gắng được đưa vào nhưng chưa phù hợp, chưa đi vào cuộc sống và chưa phát huy vai trò cần có ở đối tượng cư dân đặc thù; mặt khác, tòa án phong tục vẫn chứng minh được sức sống và vai trò cần thiết trong đời sống buôn làng. Đa số các vụ việc mâu thuẫn xích mích nhỏ ở các buôn Kon Kơ Pách và Tơ Nâu của người Ba Na, Ma Am của người Chu Ru đều được giải quyết nội bộ bởi tổ hòa giải. Thành phần của tổ hòa giải như là tòa án phong tục được mở rộng hơn trước, ngoài già làng và người xử kiện, có thêm thôn trưởng, thành viên mặt trận xã và thư ký. Tổ trưởng tổ hòa giải có thể là thành viên mặt trận xã, có thể là già làng, có thể là thành viên mặt trận kiêm già làng. Ở các buôn làng người Ê Đê huyện Ea Hleo, tỉnh Đắk Lắk, tổ hòa giải bao gồm thôn trưởng, già làng, thành viên mặt trận xã, hai đương sự và người xử kiện, do già làng làm tổ trưởng. Mỗi khi có vụ việc, các thành viên tổ hòa giải xem xét diễn tiến vụ việc, vận dụng luật tục để phân tích tính chất đúng sai mỗi bên, sau đó thảo luận và thống nhất phương án xử lý. Do có sự thay đổi của môi trường và điều kiện tự nhiên, tổ hòa giải - tòa án phong tục ở các buôn làng hiện nay chủ yếu giải quyết những vụ việc xã hội như đánh chửi

nhau, ly hôn, trộm cắp, ngoại tình, tranh chấp tài sản, tranh chấp đất đai, mâu thuẫn vợ chồng, mà ít giải quyết những vụ việc liên quan đến bảo vệ tài nguyên môi trường. Như thế, ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, vai trò của luật tục ở các buôn làng tại chỗ còn khá đậm nét. Trong khi ngành tòa án chưa tìm ra được cơ chế và thể thức phù hợp với nhận thức và phong tục tại chỗ thì tòa án phong tục và luật tục vẫn cần được nhìn nhận và duy trì hài hòa, nhằm góp phần ổn định xã hội và bảo tồn văn hóa truyền thống.

Nếu so sánh sẽ thấy có một số khác biệt giữa tổ chức xã hội thôn làng dân tộc thiểu số tại chỗ với tổ chức xã hội thôn làng dân tộc Kinh và thiểu số mới đến như sau. *Thứ nhất*, do có vấn đề an ninh - chính trị, nên ở các thôn làng dân tộc thiểu số tại chỗ có chức danh thôn đội trưởng, tổ trưởng liên gia và cán bộ tăng cường làm công tác an ninh. *Thứ hai*, do trình độ quản lý nhà nước, trình độ lý luận chính trị và trình độ giáo dục phổ thông của cán bộ thấp hơn nên hoạt động của tổ chức xã hội quan phương ở các thôn làng dân tộc thiểu số tại chỗ kém hiệu quả hơn. *Thứ ba*, tổ chức xã hội tự quản buôn làng ở các thôn làng dân tộc thiểu số tại chỗ còn được duy trì và phát huy đậm nét hơn, thông qua vai trò của già làng, người xử kiện, thầy cúng và tổ hòa giải. *Thứ tư*, ở các thôn làng dân tộc thiểu số tại chỗ, không xuất hiện các hội đoàn người cao tuổi, hội đồng niên và các hội nghề nghiệp, văn hóa, thể thao mới.

4. Tổ chức xã hội ở các thôn làng xen cư dân tộc thiểu số tại chỗ với dân tộc mới đến

Loại hình thôn làng xen cư dân tộc thiểu số tại chỗ với dân tộc mới đến xuất hiện sau năm 1975 và ngày càng phổ biến do kết quả của quá trình di dân ở Tây Nguyên. Đây là loại làng xen cư giữa một bên là dân tộc thiểu số tại chỗ và một bên là các dân tộc mới đến (bao gồm dân tộc Kinh và các dân

tộc thiểu số miền núi phía Bắc). Chẳng hạn, buôn Kao, xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, có 217 hộ, 1.130 nhân khẩu, trong đó, dân tộc Ê Đê 120 hộ, 769 nhân khẩu, dân tộc Kinh 97 hộ, 341 khẩu, còn lại là các dân tộc Tày và Mường; buôn Ma Am, xã Đà Loan, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, có 114 hộ, 537 nhân khẩu, trong đó, dân tộc Chu Ru 70 hộ, 359 nhân khẩu, dân tộc Kinh 44 hộ, 178 nhân khẩu, còn lại là người Cơ Ho và người Nùng.

Do là làng góp, hình thành từ nhiều dân tộc khác nhau trên cơ sở làng của một dân tộc thiểu số tại chỗ, nên tổ chức xã hội ở các làng xen cư dân tộc thiểu số tại chỗ với dân tộc mới đến nhìn chung phức tạp và có những đặc thù riêng.

Hệ thống tổ chức xã hội mới được xây dựng. Về nguyên tắc, cán bộ được cơ cấu để có đủ đại diện các dân tộc trong thôn làng. Mặc dù vậy, do khác biệt về trình độ quản lý nhà nước và trình độ giáo dục, thường thấy là các chức danh quan trọng như trưởng thôn, bí thư chi bộ là người các dân tộc mới đến, các chức danh khác như phó thôn, công an viên, mặt trận và trưởng các ngành đoàn thể chính trị là người các dân tộc thiểu số tại chỗ. Hiệu quả hoạt động của hệ thống tổ chức xã hội mới thuộc loại trung bình trong bốn loại thôn làng. Bất cập là do cơ cấu dân tộc đa dạng và phức tạp, có trình độ phát triển kinh tế - xã hội tự thân khác nhau, tâm lý, văn hóa, phong tục, tập quán và ngôn ngữ không giống nhau nên việc điều hành triển khai các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước thường gặp khó khăn, trở lực.

Thiết chế tổ chức xã hội truyền thống còn được duy trì ở bộ phận dân tộc thiểu số tại chỗ nhưng mờ nhạt và vắng bóng dần ở các dân tộc mới đến. Tại Buôn Kao, Ea Kao, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk, vai trò của già làng và tổ hòa giải ở người Ê Đê vẫn được duy trì, còn

vai trò của thầy cúng đã mất hẳn do sự tồn tại của Tin lành. Tại buôn Ma Am, Đà Loan, Đức Trọng, Lâm Đồng, vai trò của già làng, thầy xử kiện, thầy cúng và tổ hòa giải ở bộ phận dân tộc Chu Ru đều được duy trì, trong đó, thầy cúng người Chu Ru cũng đồng thời là thành viên mặt trận xã và già làng của thôn. Vai trò của thiết chế tự quản hương thôn người Kinh và của thiết chế tự quản bản làng các dân tộc thiểu số mới đến hầu như mất hẳn. Trong khi cấu trúc dòng họ của bộ phận dân tộc thiểu số tại chỗ còn tương đối nguyên vẹn thì do hệ quả của di cư theo quy mô gia đình, cấu trúc dòng họ của bộ phận dân tộc mới đến hầu như không còn, dẫn đến vai trò của dòng họ đậm nét ở bộ phận dân tộc thiểu số tại chỗ và mờ nhạt đi ở các dân tộc mới đến. Tính chất manh mún của thành phần dân tộc dẫn đến các tổ chức xã hội phi quan phương mới (ở làng dân tộc Kinh và làng các dân tộc thiểu số mới đến) như hội Người cao tuổi, hội đồng niên, các câu lạc bộ văn hóa - thể thao không có điều kiện xuất hiện và tồn tại.

Thành phần tôn giáo ở các thôn làng xen cư dân tộc thiểu số tại chỗ với dân tộc mới đến nhìn chung phức tạp hơn so với các loại hình thôn làng khác. Nhiều khi trong một thôn làng tồn tại nhiều tôn giáo khác nhau: tại buôn Kao tồn tại đồng thời ba tôn giáo là Tin Lành của người Ê Đê, Công giáo của người Kinh và Phật giáo của người Kinh; tại buôn Ma Am tồn tại đồng thời ba tôn giáo, Tin Lành và Công giáo ở người Chu Ru, đạo Phật ở người Kinh. Ở bộ phận dân tộc tại chỗ theo tôn giáo mới của các thôn làng này, tồn tại hệ thống tổ chức tôn giáo bao gồm ban chức việc, ông biện, trưởng các giáo đoàn (Công giáo) hay ban quản nhiệm, ban chấp sự, trưởng các giáo đoàn (Tin Lành).

Kết luận

Ở các vùng miền núi khác đã và đang tồn tại tổ chức xã hội thôn làng tương đối thống nhất do là làng một dân tộc, cư dân trong

một thôn làng có cùng đặc điểm và trình độ phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và phong tục tập quán.

Ở Tây Nguyên, tồn tại đồng thời nhiều kiểu tổ chức xã hội khác nhau trong phạm vi một thôn làng, mỗi kiểu thôn làng có những đặc điểm riêng về hiệu quả hoạt động. Tổ chức xã hội mới ở các làng dân tộc Kinh hoạt động khá tốt, đáp ứng yêu cầu đặt ra; bên cạnh đó, ảnh hưởng của các tổ chức xã hội truyền thống hầu như đã giải thể. Tổ chức xã hội mới ở các làng dân tộc thiểu số mới đến hoạt động tương đối tốt, cơ bản đáp ứng yêu cầu đặt ra; bên cạnh đó, ảnh hưởng của tổ chức xã hội truyền thống còn tồn tại nhưng đã mờ nhạt. Tổ chức xã hội mới ở các làng dân tộc thiểu số tại chỗ chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra; bên cạnh đó, ảnh hưởng của tổ chức xã hội truyền thống còn đậm nét. Tổ chức xã hội mới ở các làng xen cư dân tộc thiểu số tại chỗ với dân tộc mới đến hoạt động hiệu quả trung bình; bên cạnh đó, ảnh hưởng của tổ chức xã hội truyền thống không còn ở bộ phận dân tộc mới đến và tồn tại mờ nhạt ở bộ phận các dân tộc thiểu số tại chỗ.

Tổ chức xã hội thôn làng Tây Nguyên là rất đa dạng và phức tạp. Sự tồn tại đồng thời nhiều kiểu thiết chế tổ chức xã hội khác nhau trong phạm vi một thôn làng, mỗi kiểu lại có những đặc điểm riêng về trình độ phát triển xã hội tự thân, ngôn ngữ - văn hóa, hiệu quả hoạt động của thiết chế tổ chức xã hội mới và mức độ ảnh hưởng của thiết chế tổ chức xã hội truyền thống là thách thức đối với phát triển bền vững Tây Nguyên, nhất là ở kiểu thôn làng dân tộc thiểu số tại chỗ và kiểu thôn làng xen cư dân tộc thiểu số với dân tộc mới đến. *Thứ nhất*, thách thức cho xây dựng và thực hiện chính sách vì không thể áp dụng một chính sách cho tất cả các kiểu thiết chế tổ chức xã hội thôn làng khác nhau. *Thứ hai*, thách thức cho triển khai các chủ trương, chính

sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, vì trình độ khác nhau của cán bộ, người dân các nhóm dân tộc trong kiểu làng xen cư dân tộc thiểu với dân tộc mới đến và trình độ thấp kém của cán bộ, người dân trong kiểu làng dân tộc thiểu số tại chỗ. Thứ ba, thách thức cho việc xây dựng nếp sống văn hóa vì sự đa dạng văn hóa của các dân tộc trong kiểu làng xen cư dân tộc thiểu số với dân tộc mới đến và tính đặc thù của văn hóa trong kiểu làng dân tộc thiểu số tại chỗ.

Trong thập niên tới, tính đa dạng và phức tạp về văn hóa có thể là lợi thế, nhưng tính đa dạng và phức tạp về thiết chế tổ chức xã hội của các dân tộc lại là thách thức và trở lực đối với sự nghiệp phát triển bền vững Tây Nguyên. Yêu cầu đặt ra là cần xây dựng các mô hình thôn làng phù hợp với đặc điểm tổ chức xã hội thôn làng, đảm bảo để thôn làng trở thành pháo đài vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh - chính trị Tây Nguyên.

Chú thích

1. Văn phòng Ban Chỉ đạo Tây Nguyên, *Số liệu kinh tế - xã hội và xóa đói giảm nghèo Tây Nguyên năm 2009*, tr. 76.
 2. Bùi Minh Đạo, 2011. *Thực trạng phát triển Tây Nguyên và một số vấn đề phát triển bền vững*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 167.
 3. Đỗ Quang Hưng, 2011. Một số vấn đề về Tin Lành Tây Nguyên, Tạp chí *Khoa học xã hội Tây Nguyên*, số 2, tr. 4.
 4. Bùi Minh Đạo, 2010. *Tổ chức và hoạt động buôn làng trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 134 -135.
- Tài liệu tham khảo**
1. Bùi Minh Đạo, 2010. *Tổ chức và hoạt động buôn làng trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 2. Bùi Minh Đạo, 2011. *Thực trạng phát triển Tây Nguyên và một số vấn đề phát triển bền vững*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 3. Đỗ Quang Hưng, 2011. Một số vấn đề về Tin Lành Tây Nguyên, Tạp chí *Khoa học xã hội Tây Nguyên*, số 2.
 4. Đỗ Quang Hưng, 2011. *Một số vấn đề về Tin Lành Tây Nguyên*, Tạp chí *Khoa học xã hội Tây Nguyên*, số 2.
 5. Henri Maitre, 2009. *Rừng người Thượng*. Nxb. Tri thức. Hà Nội.
 6. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, 2002. *Một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội buôn làng các dân tộc Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 7. Văn phòng Ban Chỉ đạo Tây Nguyên, 2009. *Số liệu kinh tế - xã hội và xóa đói giảm nghèo Tây Nguyên năm 2009*.
 8. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1986. *Một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 9. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1989. *Tây Nguyên trên đường phát triển*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.